**Tuần 21**

**Ngày soạn: 06/02/2023**

**Ngày dạy: 09/02/2023**

**Tiết 23 Bài 18 THỰC HÀNH: TÌM HIỂU LÀO VÀ CAMPUCHIA**

**I. MỤC TIÊU**

**1.Kiến thức:**

- Tập hợp và sử dụng các tư liệu, để tìm hiểu địa lí một quốc gia.

- Trình bày lại kết quả làm việc bằng văn bản.

**2. Kĩ năng:**

- Đọc phân tích bản đồ địa lí, xác định vị trí địa lí, xác định sự phân bố các đối tượng địa lí, nhận xét mối quan hệ giữa thành phần tự nhiên và phát triển kinh tế xã hội.

**3. Thái độ**:

- Nghiêm túc trong thảo luận, tích cực đóng góp xây dựng bài

**4. Định hướng phát triển năng lực :**

- Năng lực chung: tự học; hợp tác. ..

- Năng lực riêng: Biết phân tích bảng số liệu về dân số, đọc và xác định được vị trí địa lý các nước trên bản đồ.

**5. Định hướng phát triển phẩm chất**

- Trung thực, ham tìm tòi, học hỏi

**II. PHƯƠNG PHÁP**

- Vấn đáp, phân tích, diễn giải

**III. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH**

**1. Giáo viên:**

- Bản đồ các nước Đông Nam Á.

- Lược đồ tự nhiên, kinh tế Lào, Campuchia.

**2. Học sinh:**

- Đọc và tìm hiểu kĩ bài trước ở nhà

- Sách giáo khoa “H18.1/62 và H18.2/63.”

**IV. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP**

**1. Ổn định tổ chức:**

**2. Kiểm tra bài cũ:**

- Khi là thành viên của ASEAN Việt Nam có những thuận lợi và thách thức như thế nào?

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (Tình huống xuất phát- 4 phút)**

**1. Mục tiêu:**

- Xác định vị trí địa lí của Lào và Cam-pu-chia trong khu vực Đông Nam Á.

**2. Phương pháp - kĩ thuật:** Vấn đáp qua lược, bản đồ - Cá nhân, nhóm

**3. Phương tiện: Lược đồ** H18.1/62 và H18.2/63 và bản đồ Đông Nam Á

**4. Các bước hoạt động**

Bước 1: Giao nhiệm vụ

Bước 2: HS quan sát bản đồ, lược đồ và bằng hiểu biết để trả lời

Bước 3: HS Học sinh trả lời theo yêu cầu của giáo viên ( nhóm trả lời, nhóm

khác nhận xét).

Bước 4: GV nhận xét và dẫn dắt vào bài học

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**HOẠT ĐỘNG 1: Tìm hiểu vị trí địa lý của Lào và Căm-pu-chia, khả năng liên hệ nước ngoài của mỗi nước.**

1. Mục tiêu: xác định vị trí,giới hạn của Lào và Căm-pu-chia. Phân tích khả năng liên hệ với các nước trên thế giới.

2. Phương pháp/Kĩ thuật dạy học: PP sử dụng H18.1/62 và H18.2/63 SGK + bản đồ Đông nam Á

3. Hình thức tổ chức: Cá nhân

Bước 1: GV triển khai nhiệm vụ cho hs : Dãy 1: Lào, Dãy 2 : Căm-pu-chia.

+ GV yêu cầu HS quan sát H18.1/62 và H18.2/63 SGK + bản đồ Đông Nam Á . Trao đổi , xác định vị trí, phân tích trả lời các câu hỏi sau:

- Thuộc khu vực nào? Giáp với nước nào? Biển nào?

- Nhận xét khả năng liên hệ với nước ngoài của mỗi nước?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ, GV theo dõi, giúp đỡ, hướng dẫn….

Bước 3: Trình bày trước lớp, các HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: GV nhận xét, bổ sung và chuẩn kiến thức.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Các yếu tố** | **Campuchia** | **Lào** |
| **Vị trí địa lý** | - Diện tích: 181.000 km2  - Thuộc bán đảo Đông Dương  - Phía Đông và Đông Nam giáp Việt Nam.  - Phía Đông Bắc: giáp Lào  - Phía Tây Bắc: giáp Thái Lan  - Phía Tây Nam giáp Vịnh Thái Lan. | - Diện tích : 236.800 km2  - Thuộc bán đảo Đông Dương  - Phía Đông giáp Việt Nam  - Phía Bắc giáp Trung Quốc , Mi-an-ma  - Phía Tây giáp Thái Lan  - Phía Nam giáp Cam-pu-chia |
| **Khả năng liên hệ với nước ngoài** | - Bằng tất cả các loại giao thông (biển, cảng Xi-hanucvin, đường sông, đường bộ) | - Đường bộ, đường sông. Đường biển thông qua cảng miền Trung Việt Nam |

**+ Hoạt động 2 :** Điều kiện tự nhiên

1. Mục tiêu: Hiểu và quan sát hình, trình bày các dạng địa hình, khí hậu, sông ngòi. Vị trí, khi hậu có thuận lợi và khó khăn trong phát triển nông nghiệp của mỗi nước như thế nào?

2. Phương pháp/Kĩ thuật dạy học: PP sử dụng SGK, H H18.1/62 và H18.2/63 …

3. Hình thức tổ chức: Cá nhân

* Bước 1: + Dãy 1: Tìm hiểu Căm pu chia, Dãy 2: Tìm hiểu về Lào

+ GV yêu cầu HS quan sát H18.1/62 và H18.2/63 SGK + bản đồ Đông nam Á . Trao đổi đặc điểm tự nhiên, phân tích trả lời các câu hỏi sau:

* Điều kiện tự nhiên (địa hình(dạng địa hình chủ yếu, phân bố), khí hậu, sông ngòi), thuận lợi và khó khăn trong phát triển nông nghiệp.
* Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ, GV theo dõi, giúp đỡ, hướng dẫn….
* Bước 3: HS trình bày trước lớp, các HS khác nhận xét, bổ sung.
* Bước 4: GV nhận xét, bổ sung và chuẩn kiến thức.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Các yếu tố** | **Campuchia** | **Lào** |
| **Địa hình** | - 75% là đồng bằng. Núi cao ở ven biên giới ( dãy Đăngrếch, Cacđamôn), cao nguyên ở phía Đông- Bắc. | - 90% là núi, cao nguyên, đồng bằng ven sông Mê-kông  - Các dãy núi cao tập trung phía Bắc,các cao nguyên kéo đai từ Bắc xuống Nam. |
| **Khí hậu** | - Nhiệt đới gió múa, gần xích đạo nóng quanh năm.  + Mùa mưa (4-10) gió tây nam từ vịnh biển vào mưa nhiếu  + Mùa khô (11-3) gió đông bắc khô hanh. | - Nhiệt đới gió mùa  + Mùa mưa: Gió tây nam từ biển vào, mưa nhiều  + Mùa khô: Gió đông bắc từ lục địa nên khô, lạnh. |
| **Sông ngòi** | Sông MêCông, Tônglêsap và biển hồ. | Sông MêCông (một đoạn chảy trong đất liền). |
| **Thuận lợi đối với NN** | - Đồng bằng chiếm diện tích lớn, đất đai màu mở, khí hậu NĐGM -> thuận lợi cho trồng trọt, sông ngòi có giá trị lớn về thủy lợi, giao thông và nghề cá.  - Khó khăn: Lũ lụt mùa mưa, thiếu nước mùa khô. | - Đồng bằng đất màu mở, rừng còn nhiều, khí hậu thuận lợi cho cây cối phát triển , , sông ngòi có giá trị lớn về thủy lợi, thủy điện, giao thông  - Khó khăn: Diện tích đất canh tác ít, mùa khô thiếu nước nghiêm trọng |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

Câu 1. Căm-Pu-Chia tiếp giáp các nước nào?

1. Viêt Nam, Lào, Thái Lan.
2. Viêt Nam, Trung Quốc, Mi-an-ma..
3. Viêt Nam, Mi-an-ma, Thái Lan.
4. Mi-an-ma, Lào, Thái Lan.

Câu 2.Lào tiếp giáp các nước nào?

1. Viêt Nam, Trung Quốc, Thái Lan, Mi-an-ma, Ma-lai-xi-a
2. Viêt Nam, , Thái Lan, Trung Quốc, Mi-an-ma, Ma-lai-xi-a
3. Viêt Nam, Thái Lan, Trung Quốc, Mi-an-ma, CămPuChia
4. Viêt Nam, Thái Lan, Căm-pu-chia, Ma-lai-xi-a

Câu 3. Lào tiếp giáp biển nào?

1. Biển Đông
2. Biển Gia-va
3. Vịnh Thái Lan
4. Không tiếp giáp biển

Câu 4 Lào không thuận lợi phát loại hình giao thông nào?

1. Đường bộ
2. Đường săt.
3. Đường hàng không.
4. Đường biển.

Câu 5. Khả năng liên hệ với các nước của Căm-Pu-Chia

1. Đường bộ, sắt, hàng không, sông, biển
2. Đường bộ, sắt, hàng không, sông
3. Đường bộ, sắt, hàng không, biển
4. Đường bộ, sắt, sông, biển.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG, MỞ RỘNG**

+ Qua đặc điểm tự nhiên của mỗi quốc gia có những thuận lợi và khó khăn gì cho phát triển nông nghiệp của mỗi nước

\* HƯỚNG DẪN TỰ HỌC:

- Chuẩn bị bài 23 : VỊ TRÍ, GIỚI HẠN, HÌNH DẠNG LÃNH THỔ VIỆT NAM

+ Tìm hiểu vị trí và giới hạn lãnh thổ

+ Tìm hiểu đặc điểm lãnh thổ